

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST
Ngày 13-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Sơn

Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp M Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường Giang– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần B; địa chỉ: X Hoàng Hoa Thám, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn B- Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Ái K, địa chỉ: Khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ông Phan Phi L-Giám đốc điều hành (có mặt);

- Bị đơn: Công ty TNHH D; địa chỉ: Lô C, khu công nghiệp cHên sâu P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Người đại diện theo pháp luật: ông Lee Chang K-Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Anh T; bà Đỗ Tuyết T; địa chỉ: X Trần Nguyên Hãn, phường X, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Lý Văn L, sinh năm 2001, địa chỉ: Tổ X, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Vũ Ngọc B, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ X, khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).
3. Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã B, Hện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).
4. Ông Lương T B, sinh năm 1989; địa chỉ: X Nguyễn Hới, phường N, T phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu(có đơn xin vắng mặt).
5. Ông Đặng Thạch T, sinh năm 1990; địa chỉ: X khu phố X, đường K, phường L, T phố T, T phố Hồ Chí M. (có đơn xin vắng mặt).
6. Ông Nguyễn Trường N, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp X, xã H, Hện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).
7. Ông Trần Công M, sinh năm 1982; địa chỉ: X đường X phường B, Quận X, T phố Hồ Chí M (có đơn xin vắng mặt).
8. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1966; địa chỉ: X Trương Công Định, phường X, T phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu(có đơn xin vắng mặt).
9. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ X khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).
10. Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1967; địa chỉ: X Liên Khu 5-6 phường B, quận B, T phố Hồ Chí M(có đơn xin vắng mặt).
11. Ông Võ M S, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu(có đơn xin vắng mặt).
12. Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ X, khu phố Ô, phường T, thị xã P tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).
13. Bà Lương Thị D, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố H, phường L, T phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).
14. Ông Tống Khánh T, sinh năm 1972; địa chỉ: xã H, T phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).
15. Ông Nguyễn Thái A, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ Z, ấp H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu(có đơn xin vắng mặt).
16. Bà Ngô Thị G, địa chỉ: phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; địa chỉ liên lạc: X Hoàng Hoa Thám, phường P thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu(có đơn xin vắng mặt).
17. Ông Ngô Quang H, địa chỉ: xã C, Hện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: X Hoàng Hoa Thám, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu(có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 31/03/2023, Công Ty Cp Dv B (gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH Z (Gọi tắt là Công ty Z) ký kết hợp đồng dịch vụ số 010423/Z-ĐL. Trước khi ký hợp đồng dịch vụ ngày 31/3/2023, công ty Đ đã cung cấp dịch vụ cho công ty Z được 4 năm và đã 4 lần ký hợp đồng dịch vụ.

Nội dung của hợp đồng là Công ty Z T1ê bên Công ty Đ cung cấp về dịch vụ bảo vệ - tạp vụ làm tại Công ty Z; với thời hạn 01 năm bắt đầu làm việc vào ngày 01/04/2023 đến hết ngày 31/03/2024.

Về chi tiết dịch vụ; đơn giá của chi tiết từng công việc có ghi rõ chi tiết trong hợp đồng (đính kèm hợp đồng);

Quá trình làm dịch vụ, Công ty Đ thực hiện tốt dịch vụ và được công ty Z thanh toán đầy đủ. Ngày 05/10/2023, công ty Z có nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho ông Phan Phi L là giám đốc điều hành thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng vào ngày 06-11-2023. Ông L có nhận được thông báo và yêu cầu công ty Z gửi thông báo bằng văn bản. Cùng ngày 05/10/2023 công ty Z gửi thư điện tử cho công Đ thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng vào ngày 06-11-2023. Ngày 17/10/2023, công ty Z gửi thư điện tử cho công ty Đ về việc chấm dứt hợp đồng vào ngày 07-11-2023 có kèm theo một bản scan thông báo số 20231005/TB ngày 05-10-2023. Ngày 19/10/2023 nhân viên Công ty Z đã bàn giao cho Công ty Đ một “Thông báo chấm dứt hợp đồng dịch vụ số 010423/Z- ĐL ” đã được Công ty Z ký vào ngày 05/10/2023. Nội dung thông báo yêu cầu Công ty Đ chấm dứt hợp đồng dịch vụ trước thời hạn, với lý do “Không đáp ứng yêu cầu công việc”, với nhiều chi tiết, nhưng không cung cấp được chứng cứ như thông báo đã nêu. Điều này, người bàn giao cũng đã ký xác nhận trong biên bản bàn giao.

Theo thông lệ thì việc trao đổi thông tin giữa Công ty Đ và công ty Z thông qua thư điện tử bvdaiL@yahoo.com.vn và bvdaiLvt@gmail.com, ngoài ra hai bên có thể trao đổi qua tài khoản Zalo với số điện thoại 0933461056. Tài khoản thư điện tử phía công ty Z dùng để liên lạc trao đổi thông tin với công ty Đ là tu@Z.com.vn, hr@Z.com.vn hoặc tài khoản zalo với số điện thoại 090639034 của bà Hoàng Thị T1 là phó phòng nhân sự công ty Z và tài khoản zalo của ông Nguyễn Anh T (không biết số điện thoại). Công ty Đ xác định từ khi ký hợp đồng dịch vụ đầu tiên với công ty Z đến nay, giữa hai bên chỉ làm việc, thoả T1ận thông qua đại diện là bà T1 hoặc ông T phía công ty Z với ông L phía Công ty Đ. Công ty Đ chưa lần nào làm việc, thoả T1ận trực tiếp với Đại diện theo pháp luật của công ty Z. Khi nhận thông báo từ ông T về chấm dứt hợp đồng trước hạn, Công ty Đ có yêu cầu làm việc trực tiếp với đại diện theo pháp luật của công ty Z nhưng không được đồng ý.

Ngày 05/10/2023, ông Nguyễn Anh T có nhắn tin qua nhóm zalo làm việc giữa hai công ty vào tài khoản zalo số điện thoại 0933461056 của ông Phan Phi L về thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 06-11-2023. Ông L có phản hồi yêu cầu công

ty Z thông báo bằng văn bản. Cùng ngày hợp thư điện tử bvdaiLvt@gmail.com của công ty Đ nhận được thư điện tử từ địa chỉ tu@Z.com.vn thông báo chấm dứt hợp đồng dịch vụ từ ngày 06-11-2023. Ngày 17-10-2023, địa chỉ thư điện tử bvdaiLvt@gmail.com của công ty Đ nhận được thư điện tử từ hợp thư địa chỉ tu@Z.com.vn có thông báo ngày hợp giữa hai bên và bản scan thông báo chấm dứt hợp đồng số 20231005/TB ngày 05-10-2023. Ngày 19-10-2023 sau cuộc họp của hai bên thì đại diện phía công ty Z có giao cho công ty Đ bản giấy thông báo số 20231005/TB ngày 05-10-2023.

Đối với những lần thông báo bằng tài khoản zalo và thư điện tử của công ty Z thì công ty Đ không đồng ý nên có yêu cầu thông báo chính thức bằng văn bản giấy.

Về thẩm quyền ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng phía công ty Đ do giám đốc- ông Phan Văn B là người quyết định. Giữa công ty Đ và Công ty Z không có thỏa T1ận về việc ông Nguyễn Anh T có thẩm quyền thông báo chấm dứt hợp đồng. Do đó, Công ty Đ không đồng ý với các thông báo của ông T với công ty Đ.

Trong hợp đồng dịch vụ không thỏa T1ận về bồi thường thiệt hại về lương nhân viên của Đ khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Thế nhưng, Công ty Z chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đã gây cho Công ty Đ rất nhiều thiệt hại. Bởi vì, Công ty Đ đã chuẩn bị nhân sự cho 01 năm thực hiện hợp đồng với Công ty Z. Nhưng hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn khi mới thực hiện được 07 tháng, trong thời điểm khó khăn này hợp đồng mới chưa tìm được, Công ty Đ cũng phải thanh toán lương cho nhân viên đến 31/03/2024. Trường hợp công ty Z thông báo trước 01 tháng theo thỏa T1ận tại Điều 8 của Hợp đồng thì không phải bồi thường thiệt hại. Nhưng Công ty Z thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không tổ chức phiên họp thống nhất ý kiến với công ty Đ, vi phạm thời hạn báo trước, trong thông báo ghi nhiều lý do gây ảnh hưởng uy tín và gây ra thiệt hại cho công ty Đ.

Ngày 07/11/2023 Công ty Đ vẫn đến mục tiêu bảo vệ Công ty Z thì được yêu cầu ký biên bản bàn giao tài sản và chấm dứt hợp đồng. Công ty Đ đã bàn giao và không còn cung cấp dịch vụ cho công ty Z từ ngày 07-11-2023. Đối với phí dịch vụ đã cung cấp đến ngày 07-11-2023, Công ty Z đã thanh toán đủ cho công ty Đ.

Việc chấm dứt hợp đồng đơn phương từ Công ty Z đã gây cho Công ty Đ rất nhiều thiệt hại, cụ thể như sau: Theo Điều 2 Hợp đồng dịch vụ, phía công ty Đ cung cấp 06 bảo vệ và 04 tạp vụ là 69.675.000 đồng, và chi phí quản lý, chi phí khám sức khỏe. Tổng cộng chi phí dịch vụ mỗi tháng trung B là 90.000.000 đồng. Mỗi tháng công ty Đ phải trả lương cho mỗi bảo vệ là 7.000.000 đồng/người và mỗi tạp vụ 6.000.000 đồng. Như vậy, lợi nhuận nguyên đơn T1 được mỗi tháng là 25.000.000 đồng. Từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024, nguyên đơn trả lương cho 4 nhân viên chờ việc với tổng số tiền là 125.000.000 đồng và lợi nhuận bị mất là 125.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bồi thường 05 tháng còn lại của hợp đồng tương đương 498.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu đồng), tương

đương với số tiền dịch vụ các tháng 6-7-8-9-10/2023, để công ty Đ thanh toán các khoản chi phí lương, tiền ăn cho nhân sự đã chuẩn bị. Ngoài số tiền yêu cầu bồi thường nói trên, công ty Đ không tính thêm tiền lãi phát sinh.

Tuy nhiên, hiện tại hai tập vụ gồm bà Lương Thị D, bà Lê Ngọc T1ý và một số bảo vệ đã làm việc cho công ty bảo vệ khác và đang thực hiện tập vụ tại công ty Z. Đối với ông Ngô Quang H, ông Nguyễn Thái An, ông Tống Khánh Thư, Ngô Thị G hiện chưa có việc làm, nên công ty Đ vẫn trả lương cho ông H mỗi tháng 7.000.000 đồng, ông An, ông Thư, bà G mỗi tháng 6.000.000 đồng để duy trì hợp đồng.

Do đó, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Nguyên đơn rút phần yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 248.000.000 đồng, lương của những bảo vệ, tập vụ đã có việc làm mới sau khi bị cắt hợp đồng. Nguyên đơn căn cứ các Điều 419, 360 Bộ luật dân sự 2015, Điều 302, 303 Luật thương mại, yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 250.000.000 đồng, trong đó 125.000.000 đồng chi phí trả lương, tiền thưởng cho 4 nhân viên gồm ông Ngô Quang H, ông Nguyễn Thái An, ông Tống Khánh Thư, bà Ngô Thị G và 125.000.000 đồng lợi nhuận bị mất từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Công ty TNHH Z (gọi tắt công ty Z) và công ty Công ty Cổ phần B (gọi tắt công ty Đ) có ký hợp đồng dịch vụ số 010423/Z-ĐL ngày 31-3-2023. Nội dung hợp đồng cơ bản như sau:

Công ty Đ cung cấp dịch vụ bảo vệ, tập vụ cho công ty Z tại Lô C, KCN Phú Mỹ 3, thị xã Phú Mỹ với thời hạn 01 năm, từ 01-4-2023 đến ngày 31-3-2024. Đơn giá 8.500.000 đồng/1 vị trí bảo vệ ca ngày, 8.800.000 đồng/1 vị trí bảo vệ ca đêm, 9.375.000 đồng/1 vị trí tổ trưởng bảo vệ ca ngày, 10.000.000 đồng/1 vị trí bảo vệ ca đêm. Công ty Đ cung cấp 6 bảo vệ cho 3 vị trí. Dịch vụ tập vụ: Nhân viên 8.000.000 đồng/tháng, tổ trưởng tập vụ 9.000.000 đồng/tháng. Công ty Đ cung cấp 4 nhân viên tập vụ. Ngoài ra, Công ty Z còn phải chịu các chi phí quản lý 1.400.000 đồng/tháng, chi phí khám sức khỏe định kỳ 8.000.000 đồng/năm. Ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền và N vụ, trách nhiệm các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng các nhân viên bảo vệ của công ty Đ có sai phạm. Công ty Z có trao đổi với công ty Đ bằng điện thoại, nhắn tin qua ứng dụng Zalo về việc nhân viên bảo vệ không đảm bảo yêu cầu, thái độ làm việc không tốt, có tổ chức họp với công ty Đ nhưng không lập biên bản. Ngoài ra công ty Z cũng không lập biên bản xử lý vi phạm đối với bảo vệ của do công ty Đ cung cấp. Do công ty Đ cung cấp dịch vụ không đạt yêu cầu, nên công ty Z căn cứ Điều 8 của Hợp đồng về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với công ty Đ, cụ thể: ngày 05-10-2023 đại diện công ty Z là ông Nguyễn Anh T đã thông báo cho công ty Đ chấm dứt hợp đồng bằng phương thức nhắn tin qua ứng dụng Zalo số điện thoại 0987.849.859, tên đại diện “Anh T” cho ông Phan Phi L, số điện thoại 0933.461.056, tên đại diện “Phan Phi L” với nội dung cơ bản thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 05-11-

2023. Ông L có nhận tin nhắn và phản hồi đã nhận thông tin và yêu cầu gửi thông báo chính thức. Ngoài ra cùng ngày công ty Z có dùng email công ty là tu@Z.com.vn thông báo cho công ty Đ đến email bvdaiLvt@gmail.com với nội dung cơ bản Công ty Z sẽ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn từ ngày 06-11-2023. Công ty Đ cũng đã phản hồi đã nhận được thông báo bằng email của công ty Z. Ngoài ra, công ty Z nhiều lần thông báo, nhắc nhở công ty Đ về việc chấm dứt hợp đồng và bàn giao tài sản bằng hình thức email, nhưng công ty Đ không phản hồi. Các địa chỉ thư điện tử và zalo nhóm nêu trên là phương thức trao đổi thông tin chính thức giữa hai bên.

Ngày 17-10-2023, công ty Z có gửi email bản scan thông báo chấm dứt hợp đồng cho công ty Đ. Ngày 19-10-2023, công ty Z giao thông báo chấm dứt hợp đồng cho công ty Đ tại trụ sở công ty Z.

Ngày 07-11-2023, công ty Z chính thức chấm dứt hợp đồng dịch vụ với công ty Đ, yêu cầu công ty Đ bàn giao công việc và tài sản và công ty Đ đã bàn giao công việc và tài sản.

Căn cứ Điều 8 Hợp đồng dịch vụ thì công ty Z đã thông báo chấm dứt hợp đồng cho công ty Đ trước 01 tháng. Do đó, công ty Z không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về thẩm quyền ký kết, chấm dứt hợp đồng, gia hạn hợp đồng phía công ty Z là do Tổng giám đốc - ông Lee Chang Keun quyết định. Trong thông lệ của công ty thì ông T phụ trách mảng hành chính tổng vụ, có thẩm quyền giao dịch với nhà thầu phụ như công ty bảo vệ. Việc thông báo chấm dứt hợp đồng ông T đã được Tổng giám đốc uỷ quyền vào ngày 01-10-2023.

Người làm chứng ông Vũ Ngọc B trình bày: Ông B làm việc cho công ty Đ từ ngày 09-10-2019 đến 05-11-2023. Trong quá trình làm việc thì ông có nghe ông Lý Văn L nói lại rằng ông S cho biết mất mục tiêu (bảo vệ cho công ty Z) từ ngày 27-10-2023. Ngoài ra, trong quá trình làm việc công ty Đ tự bỏ người trực trong thời gian từ 30 Tết đến mừng 06 Tết năm 2023, tổng cộng 07 ngày.

Người làm chứng ông Lý Văn L trình bày: Ông L làm việc cho công ty Đ từ 05-10-2023 đến 07-11-2023 với mục tiêu bảo vệ là công ty Z. Trong quá trình làm việc ông có được ông Võ M S điều đến công ty Thạch Cao để làm việc. Quá trình nói chuyện ông S có nói về việc sắp tới công ty không còn làm việc với Z. Đến ngày 07-11-2023, ông L xin nghỉ việc và đã được công ty Đ thanh toán lương đến ngày 31-10-2023, số tiền còn lại trả sau và ông L có ký vào một số văn bản nhưng không xem nội dung là văn bản gì.

Người làm chứng ông Phan Ngọc T trình bày: Ông T là nhân viên vận hành của công ty Z. Trong quá trình làm việc khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2023, ông T có thấy phòng bảo vệ chỉ có 02 nhân viên đang trực. Sự việc diễn ra 2 đến 3 lần trong tuần.

Người làm chứng ông Lương T B trình bày: Ông B là trợ lý trưởng phòng Sale và Logistics của công ty Z, quản lý phòng cân và hệ thống cân. Trong quá trình làm việc từ năm 2019 đến năm 2023, ông thường xuyên đào tạo cho các tổ trưởng bảo vệ về cách sử dụng và vận hành hệ thống cân do các tổ trưởng bảo vệ thường xuyên nghỉ việc đột ngột. Ngoài ra, trong quá trình làm việc các bảo vệ thường xuyên sử dụng máy tính để cân hàng để chơi game, nghe nhạc, sử dụng ngoài mục đích công việc.

Người làm chứng ông Đặng Thạch T trình bày: Ông T là lái xe của công ty Z từ năm 2022 đến nay. Trong quá trình làm việc từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2023 ông thường xuyên gặp các trường hợp ra vào cổng nhưng nhân viên bảo vệ không làm tốt nhiệm vụ như không mở cổng hoặc đợi khoảng 10 phút mới mở cổng.

Người làm chứng ông Trần Công M trình bày: Ông M là lái xe của công ty Z. Trong quá trình làm việc ông thấy cổng ra vào công ty thường xuyên mở và không thấy bảo vệ hay biết gì khi xe ra vào. Khoảng 2 tuần cuối tháng 9 năm 2023, ông M thì thấy đóng cửa nhưng thường xuyên phải đợi rất lâu mới được mở cửa.

Người làm chứng ông Nguyễn Tấn S trình bày: Ông S là lái xe của công ty Z. Trong quá trình làm việc từ năm 2020 đến năm 2023, khi điều khiển xe đến cổng phải đợi rất lâu và bấm còi nhiều lần bảo vệ mới mở cổng.

Người làm chứng ông Nguyễn Thế V trình bày: Ông V là lái xe cho công ty Z từ 9/2022 đến tháng 1/2024. Trong thời gian làm việc ông có chứng kiến bảo vệ ít khi để ý đến cổng ra vào, ông phải chờ rất lâu. Sự việc diễn ra khoảng 03 đến 04 lần/tuần.

Người làm chứng ông Nguyễn Trường N trình bày: Ông N làm đội trưởng đội bảo vệ công ty Đ từ tháng 3/2021 đến tháng 6/2022. Trong quá trình làm việc, ban giám đốc công ty Đ thường xuyên yêu cầu rút bớt một nhân viên trực ca đêm và thường xuyên đưa nhân viên lạ đến mục tiêu, có lần điều cả ba bảo vệ trực đêm nhưng không ai biết sử dụng máy tính khiến việc không thể cân hàng vào công ty. Xảy ra tình trạng nhân viên trực ca và trên danh sách không giống nhau.

Người làm chứng bà Bùi Thị T trình bày: Bà T là nhân viên của công ty Đ, công tác tại công ty Z từ 10/8/2023 đến 07/11/2023. Trong quá trình làm việc công ty Đ không ký hợp đồng với bà. Khi bà nghỉ việc công ty Đ mới yêu cầu bà T ký hồ sơ để được nhận lương. Sau khi nghỉ việc khoảng 04 tháng, bà T vào làm việc tại công ty Thế Giới Sạch và hiện tại vẫn công tác tại công ty Z.

Người làm chứng ông Võ M S trình bày: Ông S là nhân viên công ty Đ với chức vụ trưởng phòng nghiệp vụ và nhân sự, có trách nhiệm quản lý tất cả nhân viên và chăm sóc tất cả các mục tiêu trong đó có công ty Z. Trong quá trình công tác không để xảy ra sự cố nghiêm trọng tại mục tiêu. Trong quá trình làm việc ông có nghe giám đốc công ty Đ nói bóng gió về việc cắt hợp đồng với công ty Z. Trong thời gian này giám đốc công ty Đ có chỉ đạo ông về việc tìm cơ hội hành hung một

số nhân viên công ty Z, nhưng ông S không đồng ý. Đến thời điểm cắt hợp đồng, ban giám đốc công ty Đ đến mục tiêu lớn tiếng, thách thức đại diện công ty Z. Sau khi rút hết nhân viên khỏi mục tiêu trong vòng 3 ngày, công ty Đ đã phân bổ cho tất cả nhân viên làm việc ở mục tiêu khác, không để bất cứ nhân viên nào thất nghiệp cho đến nay. Sau đó, công ty Đ cho kế toán in bảng lương không, dụ dỗ, ép buộc nhân viên ký vào bảng lương để khởi kiện tại Tòa án.

Người làm chứng bà Lê Ngọc T trình bày: Bà là nhân viên của công ty Đ, làm việc tại công ty Z từ năm 2019 đến 07/11/2023. Trong quá trình làm việc giữa bà và công ty Đ không ký hợp đồng lao động. Đến khi bà xin nghỉ thì công ty Đ yêu cầu bà ký hợp đồng lao động và hồ sơ xin nghỉ việc mới trả lương. Sau khi nghỉ việc tại công ty Đ, bà đã ở nhà chờ việc một thời gian sau đó xin vào công ty Thế Giới Sạch và làm việc tại công ty Z.

Người làm chứng bà Lương Thị D trình bày: Bà D là nhân viên công ty Đ được cử làm nhân viên tạp vụ tại công ty Z. Khoảng 5 tháng trước (tháng 11/2023) công ty Đ có thông báo với bà về việc cho bà nghỉ việc. Công ty Đ có yêu cầu bà nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động để thanh toán lương và bà có làm theo yêu cầu của công ty. Từ khi công ty thông báo nghỉ việc thì bà D không còn làm việc tại công ty Đ nữa. Đồng thời công ty Đ cũng đã thanh toán lương cho bà đến khi nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc tại công ty Đ bà D có ký hợp đồng với công ty Thế Giới Sạch và vẫn làm tạp vụ tại công ty Z.

Người làm chứng ông Tống Khánh T trình bày: Ông T làm nhân viên của công ty Đ, công tác tại công ty Z. Trong thời gian không bố trí được việc ông có đến văn phòng công ty chờ việc và được công ty Đ thanh toán lương mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến ngày 01-4-2024. Ngày 01-4-2024, ông và công ty Đ chấm dứt hợp đồng làm việc tại công ty Z.

Người làm chứng ông Nguyễn Thái A trình bày: Ông A là nhân viên của công ty Đ, bảo vệ mục tiêu tại công ty Z. Ngày 07-11-2023, đến tháng 4/2024 ông được bố trí làm việc tại công ty VGSI, Phú Mỹ II và được công ty Đ trả lương mỗi tháng 6.000.000 đồng. Từ 01-4-2024 ông được bố trí đi làm tại công ty VGSI Phú Mỹ II.

Người làm chứng ông Ngô Quang H trình bày: Ông có ký hợp đồng lao động làm ca trưởng bảo vệ cho công ty Đ từ ngày 27/9/2023 đến ngày 07/11/2023 tại mục tiêu công ty Z với mức lương 7.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 07/11/2023 đến 31/3/2024, trong thời gian chờ việc ông được công ty Đ trả lương. Hết thời gian chờ việc, ông H đã xin vào công ty khác làm việc.

Người làm chứng bà Ngô Thị G trình bày: Bà G là nhân viên tạp vụ của công ty Đ phục vụ tại công ty Z đến lúc công ty Đ bị cắt hợp đồng. Từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024, mỗi tháng bà G có nhận tiền trợ cấp thất nghiệp là 6.000.000 đồng. Bà G xác nhận chữ ký nhận lương do công ty Đ cung cấp là của bà

G.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vụ án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và N vụ theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có thể xác định được bị đơn đã tuân thủ đúng N vụ hợp đồng khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định vụ việc giải quyết trên T1ộc loại quan hệ về “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”. Bị đơn có trụ sở tại địa bàn thị xã Phú Mỹ, do đó Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 498.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 250.000.000 đồng, trong đó 125.000.000 đồng chi phí trả lương thưởng cho 4 nhân viên gồm ông Ngô Quang H, ông Nguyễn Thái A, ông Tống Khánh T, Ngô Thị G và 125.000.000 đồng lợi nhuận bị mất từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 248.000.000 đồng.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] Hiệu lực hợp đồng:

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định

ngày 31/03/2023 Công ty Đ và Công ty Z ký kết hợp đồng dịch vụ số 010423/Z-ĐL với nội dung của hợp đồng là Công ty Z T1ê bên Công ty Đ cung cấp về dịch vụ bảo vệ - tạp vụ làm tại Công ty Z; với thời hạn 01 năm bắt đầu làm việc vào ngày 01/04/2023 đến hết ngày 31/03/2024, nội dung cụ thể dịch vụ và đơn giá được ghi rõ chi tiết trong hợp đồng.

Xét hợp đồng dịch vụ giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện; được ký kết bởi đại diện theo pháp luật của hai bên; bên cung ứng dịch vụ bảo vệ đã được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ bảo vệ. Như vậy, hợp đồng dịch vụ số 010423/Z-ĐL đảm bảo các điều kiện theo Điều 117, 513, 514 Bộ luật dân sự, Điều 74, 76 Luật thương mại nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, N vụ các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường 250.000.000 đồng, trong đó 125.000.000 đồng chi phí trả lương thưởng cho 4 nhân viên gồm ông Ngô Quang H, ông Nguyễn Thái A, ông Tống Khánh T bà Ngô Thị G và 125.000.000 đồng lợi nhuận bị mất từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024 thì thấy:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng xác định theo thông lệ thì việc trao đổi thông tin về việc giao kết hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng, tái ký hợp đồng...giữa Công ty Đ và công ty Z thông qua thư điện tử bvdaiL@yahoo.com.vn và bvdaiLvt@gmail.com, ngoài ra hai bên có thể trao đổi qua tài khoản Zalo nhóm với số điện thoại 0933461056 của ông L. Tài khoản thư điện tử phía công ty Z dùng để liên lạc trao đổi thông tin với công ty Đ là tu@Z.com.vn, hoặc hr@Z.com.vn hoặc tài khoản zalo với số điện thoại 090639034 của bà Hoàng Thị T1 là phó phòng nhân sự công ty Z và tài khoản zalo của ông Nguyễn Anh T. Công ty Đ xác định từ trước đến nay, mọi giao dịch, thỏa T1ận giữa công ty Đ với công ty Z đều thông qua đại diện là ông T, bà T1 phía công ty Z và ông L phía công ty Đ. Công ty Đ chưa lần nào giao dịch trực tiếp với đại diện theo pháp luật của công ty Z. Như vậy có thể xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã hình T thói quen thương mại về việc trao đổi thông tin, giao dịch bằng hình thức thư điện tử, điện thoại hoặc zalo nhóm và người có thẩm quyền thỏa T1ận điều khoản hợp đồng theo qui định tại Điều 3, Điều 12 Luật thương mại.

Lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng xác định: Ngày 05/10/2023, ông Nguyễn Anh T có nhắn tin qua nhóm zalo làm việc giữa hai công ty vào tài khoản zalo số điện thoại 0933461056 của ông Phan Phi L về thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 06-11-2023. Ông L có phản hồi yêu cầu công ty Z thông báo bằng văn bản. Cùng ngày hộp thư điện tử bvdaiLvt@gmail.com của công ty Đ nhận được thư điện tử từ địa chỉ tu@Z.com.vn thông báo chấm dứt hợp đồng dịch vụ từ ngày 06-11-2023. Ngày 17-10-2023, địa chỉ thư điện tử bvdaiLvt@gmail.com của công ty Đ nhận được thư điện tử từ hộp thư địa chỉ tu@Z.com.vn có thông báo ngày hợp giữa hai bên và bản scan thông báo chấm dứt hợp đồng số 20231005/TB ngày 05-10-

2023. Ngày 19-10-2023 sau cuộc họp của hai bên thì đại diện phía công ty Z có giao cho công ty Đ bản giấy thông báo số 20231005/TB ngày 05-10-2023. Đây là những tình tiết các bên cùng thừa nhận nên không phải chứng M theo qui định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ý kiến nguyên đơn xác định việc ông T đại diện công ty Z thông báo việc sẽ chấm dứt hợp đồng dịch vụ vào ngày 06-11-2023 là không đúng thẩm quyền, thì thấy: Theo giấy uỷ quyền ngày 01 tháng 10 năm 2023, của ông Lee Chang K- Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty Z thì ông Nguyễn Anh T được thay mặt công ty thực hiện tất cả các công việc cần thiết liên quan đến việc làm việc với Công ty Đ. Như vậy, ông T được đại diện công ty uỷ quyền thay mặt công ty làm việc với công ty Đ. Đồng thời, giữa công ty Đ với công ty Z hình T thói quen thương mại trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử gồm thư điện tử, điện thoại, zalo nhóm trong đó có tài khoản zalo của ông T, bà T1 và người có thẩm quyền giao dịch giữa hai bên. Do đó, ý kiến của nguyên đơn xác định ông T không có thẩm quyền thông báo chấm dứt hợp đồng là không có cơ sở. Như vậy, ngày 05/10/2023 ông Nguyễn Anh T có nhắn tin qua nhóm zalo làm việc giữa hai công ty vào tài khoản zalo số điện thoại 0933461056 của ông Phan Phi L về thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 06-11-2023. Cùng ngày hộp thư điện tử bvdaiLvt@gmail.com của công ty Đ nhận được thư điện tử từ địa chỉ tu@Z.com.vn thông báo chấm dứt hợp đồng dịch vụ từ ngày 06-11-2023 là công ty Z đã thông báo hợp lệ.

Căn cứ Điều 8 Hợp đồng về gia hạn hợp đồng, chấm dứt hợp đồng các bên đã thoả thuận “Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp kết thúc thời hạn hợp đồng dịch vụ. Bên A (công ty Z) phải thông báo cho bên B (công ty Đ) trước một tháng nếu muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn”. Nguyên đơn, bị đơn cùng xác nhận và hợp đồng thể hiện các bên không thoả thuận về N vụ bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng. Nguyên đơn công ty Đ xác định nếu công ty Z đảm bảo thời hạn báo trước thì không phải bồi thường hợp đồng. Có thể xác định công ty Z đã thực hiện đầy đủ N vụ của bên sử dụng dịch vụ khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Trường hợp công ty Z vi phạm N vụ báo trước thì chỉ có N vụ bồi thường thiệt hại trong khoản thời gian vi phạm N vụ báo trước. Hành vi của bị đơn công ty Z không đủ yếu tố quy định tại Điều 303 Luật thương mại. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bồi thường toàn bộ thiệt hại chi phí trả lương cho nhân viên và thiệt hại thu nhập bị mất từ ngày 07-11-2023 đến ngày 31-3-2024 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016, công ty Đ phải chịu án phí do yêu cầu không được Tòa án chấp nhận: = (250.000.000 đồng x 5%) = 12.500.000 đồng. Bị đơn công ty Z không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 229, 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, 513, 514 Bộ luật dân sự; Điều 3, 12, 74, 76, 302, 303, 304 Luật thương mại.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30-12-2016 về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B về việc buộc Công ty TNHH Z bồi thường số tiền 248.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B về việc buộc Công ty TNHH Z bồi thường 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), trong đó 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) chi phí trả lương, thưởng cho nhân viên và 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) lợi nhuận bị mất từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024.

3. Án phí: Công ty Cổ phần B phải chịu 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 11.960.000 đồng (mười một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T1 tiền số 0002740 ngày 29 tháng 11 năm 2023, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Công ty Cổ phần B còn phải nộp 540.000 đồng (năm trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(đã ksy)

Huỳnh Thanh Trà